

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HS-ST

Ngày: 01/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt, ông Nguyễn Đức Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2024/TLST-HS ngày 03/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST- HS ngày 17/7/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 12/12/1976;

Tên gọi khác: Không có;

Nơi cư trú: **Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;**

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/10;

Con ông: **Nguyễn Văn N** (Tên gọi khác: **Nguyễn Ngọc N1**) sinh năm 1956;
Con bà: **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1954;

Gia đình bị can có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất (bị cáo còn có 01 người em nuôi là **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1979);

Vợ: **Ngụy Thị Y**, sinh năm 1981;

Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án: Không có;

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1866/QĐ-XPHC ngày 19/5/2023, Chủ tịch **UBND huyện Y**, tỉnh Bắc Giang xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không có giấy phép khai thác;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và **T** hoãn xuất cảnh. Hiện bị can đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Trần Văn T1**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh**.

2. Ông **Nguyễn Ngọc N1** (tên gọi khác: **Nguyễn Văn N**), sinh năm 1956

Nơi cư trú: **Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** (có mặt).

3. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: **Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** (có mặt).

4. Anh **Vũ Ngọc C**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **Thôn Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 55 phút ngày 03/02/2024, tại khu vực **đường N, thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Tổ công tác **Công an huyện Y**, tỉnh Bắc Giang kiểm tra, phát hiện xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC loại HOWO, màu trắng, biển kiểm soát 99C-038.57 do **Trần Văn T1**, sinh năm 1982, trú tại **thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh** đang điều khiển có chứa 15,78m³ đất. Tại thời điểm kiểm tra, **Trần Văn T1** không xuất trình được giấy tờ liên quan đến nguồn gốc đất và khai nhận về khối lượng đất nêu trên do **T1** mua của **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976, trú tại **thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Tổ công tác **Công an huyện Y** đã tiến hành lập biên bản sự việc, đồng thời yêu cầu **Trần Văn T1** di chuyển phương tiện cùng vật chứng về trụ sở **Công an huyện Y**, tỉnh Bắc Giang để phục vụ điều tra (Bút lục 25-26).

Xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm, cùng ngày 03/02/2024, Cơ quan điều tra **Công an huyện Y** đã tổ chức khám nghiệm hiện trường tại khu vực thửa đất số 153, tờ bản đồ số 174 của hộ gia đình **Nguyễn Văn H**; thu giữ: 01 mẫu đất ký hiệu M1 tại vị trí đồng đất cạnh ao nằm trong thửa đất số 153, tờ bản đồ số 174; 01 mẫu đất ký hiệu M2 tại vị trí gàu máy xúc dừng đỗ trong khu vực bờ ao thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 174 và 01 mẫu đất ký hiệu M3 trên thùng xe ô tô tải biển kiểm soát 99C-038.57 (Bút lục 27-28); lập biên bản tạm giữ của **Nguyễn Văn H** 01 máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX220 màu cam-xanh dương có số khung 14YP011709, số model EX225USRK (Bút lục 50-51).

Ngày 04/02/2024, Cơ quan điều tra **Công an huyện Y** đã tiến hành rà soát, thu giữ dữ liệu hình ảnh camera giám sát tại khu vực trang trại chăn nuôi của anh **Nguyễn Huy H3**, sinh năm 1957, trú tại **thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**, trong đó có hình ảnh của **Nguyễn Văn H** và **Trần Văn T1** trao đổi mua bán đất ngày 03/02/2024 (Bút lục 61, 64-65).

Ngày 18/3/2024, Cơ quan điều tra **Công an huyện Y** đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với 03 mẫu đất đã thu giữ và Yêu cầu định giá tài sản là khối

lượng đất thu giữ trên ô tô. Tại Kết luận giám định số GD/23-2024 ngày 22/3/2024 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất - Cục Đ kết luận: 03 mẫu được giám định là khoáng sản; khoáng sản là đất sét làm vật liệu gạch ngói (Bút lục 90-92).

Tại kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 09/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận: 15,78m³ khoáng sản là đất sét làm vật liệu gạch ngói có giá trị là 2.682.600 đồng (Bút lục 107).

Cơ quan điều tra đã làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Kết quả xác định diện tích đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn N (tên gọi khác là Nguyễn Ngọc N1; là bố của bị can Nguyễn Văn H) thuộc cánh đồng Bãi Bì, thôn Y là thửa đất số 153, tờ bản đồ số 174 (bản đồ địa chính nông nghiệp năm 2019) là loại đất sản xuất phi nông nghiệp, được Nhà nước giao, cho thuê có thu tiền sử dụng đất, để thực hiện dự án chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; không được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản (Bút lục 112-130).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H khai nhận: Hộ gia đình Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Y cho thuê thửa đất số 153, tờ bản đồ số 174 ở thôn Y, xã Y, huyện Y từ năm 2008 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trại nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia cầm. Khoảng đầu năm 2023 và tháng 12/2023, H tiến hành thực hiện việc nạo vét, cải tạo ao; quá trình cải tạo có phát sinh khối lượng đất sét dư thừa nên Nguyễn Văn H đã sử dụng máy xúc thu gom và tập kết tại khu vực bờ ao nằm trong thửa đất nêu trên. Do H biết Trần Văn T1, sinh năm 1982, trú tại thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh làm nghề gôm và có nhu cầu mua đất sét nên H đã liên hệ trao đổi bán khối lượng đất sét với Trần Văn T1. Tối ngày 02/02/2024, T1 điện thoại trao đổi với H về việc cần mua đất để sử dụng thì H đồng ý và hẹn T1 đêm ngày 03/02/2024 điều khiển xe ô tô đến khu vực bờ ao thuộc thửa đất nêu trên của gia đình H để vận chuyển đất. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/02/2024, T1 một mình điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, loại HOWO, biển kiểm soát 99C-038.57, màu trắng đến khu vực sát bờ ao thửa đất số 153, tờ bản đồ số 174 của hộ gia đình H. Tại đây, T1 và H thay nhau điều khiển máy xúc nhãn hiệu HITACHI múc đất sét đổ lên thùng xe ô tô. Sau khi đã múc đầy đất sét vào thùng xe, T1 đập bạt lại rồi điều khiển xe ô tô về nhà tại thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Khi T1 điều khiển xe ô tô chở đất đến khu vực đường N, thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì bị Tổ công tác Công an huyện Y kiểm tra, phát hiện và thu giữ vật chứng.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P2 ngày 01/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn Học về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài

nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 01/8/2024

Giao bị cáo cho **UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 9,68m³ đất sét (Do phương pháp đo thủ công nên số thể tích trên mang tính tương đối)

(Tất cả vật chứng được bàn giao theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Văn H** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố

vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã cơ bản thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi theo bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết luận giám định vật chứng thu giữ, đã đủ căn cứ xác định:

Ngày 19/5/2023, Nguyễn Văn H, sinh năm 1976, trú tại thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang bị Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản là đất sét làm gạch trái phép; ngày 22/5/2023, H đã chấp hành Quyết định xử phạt hành chính nêu trên.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/02/2024, Nguyễn Văn H tiếp tục có hành vi khai thác trái phép 15,78m³ khoáng sản là đất sét làm vật liệu gạch ngói có trị giá 2.682.600 đồng tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 174 thuộc cánh đồng B, thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và bán cho Trần Văn T1, sinh năm 1982, trú tại thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Hành vi khai thác khoáng sản khi không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác của Nguyễn Văn H đã vi phạm Điều 4 Luật khoáng sản năm 2010.

Do bị cáo trước đó ngày 19/5/2023, Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn H số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không có giấy phép khai thác. Nay lại tiếp tục thực hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép. Hành vi này của bị cáo là yếu tố định tội. Do đó Cáo trạng số 07/CT-VKS-P3 ngày 01/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết về

hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, đồng thời gây ra dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử lý bị cáo bằng Pháp luật hình sự mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

[4]. Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo hiện đang thờ cúng liệt sỹ là **Nguyễn Văn M** (là bác ruột của bị cáo) và có bố đẻ là ông **Nguyễn Văn N** được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội có tính chất vụ lợi, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 9,68m³ đất sét (Do phương pháp đo thủ công nên số thể tích trên mang tính tương đối) là vật chứng vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang phối hợp trông coi, bảo quản theo quy định cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

- Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, loại HOWO, biển kiểm soát 99C-038.57, màu trắng thuộc sở hữu hợp pháp của anh **Vũ Ngọc C**, sinh năm 1987, trú tại **thôn Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh** và chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX220 thuộc sở hữu hợp pháp của anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976, trú tại **thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, Viện KSND tỉnh B** đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh **C**, anh **D**.

- Đối với chiếc điện thoại **Nguyễn Văn H** sử dụng liên lạc bán đất sét cho **Trần Văn T1**, **H** khai do điện thoại đã bị mất nên không thu hồi được, nên không xem xét xử lý (Bút lục 57-60).

[7]. Đối với những vấn đề liên quan khác

Đối với **Trần Văn T1** là người liên hệ mua bán, vận chuyển đất sét của **Nguyễn Văn H** nhưng **T1** không biết số đất sét do Học khai thác trái phép, không được Học trao đổi, bàn bạc về việc khai thác đất sét trái phép. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với **Trần Văn T1**.

Đối với **Nguyễn Văn N** là chủ hộ gia đình được Ủy ban nhân dân huyện Y cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 174 (bản đồ địa chính nông nghiệp năm 2019) tại **cánh đồng B, thôn Y, xã Y, huyện Y**, là nơi **Nguyễn Văn H** thực hiện hành vi khai thác đất sét trái phép: Kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh **Nguyễn Văn N** biết hoặc được trao đổi, bàn bạc với bị can **H** về việc khai thác đất sét trái phép. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với **Nguyễn Văn N**.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 227; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 01/8/2024

Giao bị cáo cho **UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000đồng (năm mươi triệu) sung quỹ nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 9,68m³ đất sét (Do phương pháp đo thủ công nên số thể tích trên mang tính tương đối)

(Tất cả vật chứng được bàn giao theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người TGT;
- Lưu HS,THS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

